

Số : 60/BC-LĐC

Thủ Đức, ngày 30 tháng 06 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục

Năm học 2023-2024

## I. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2023-2024

### 1. Thông tin về cơ sở vật chất:

| STT | Chỉ tiêu                                    | Tổng số | Chia ra |        |             |        | Tạm |
|-----|---------------------------------------------|---------|---------|--------|-------------|--------|-----|
|     |                                             |         | Kiên cố |        | Bán kiên cố |        |     |
|     |                                             |         | Tổng số | XD mới | Tổng số     | XD mới |     |
| 1   | A. Khối phòng học, phòng bộ môn             |         |         |        |             |        |     |
| 2   | Số phòng học theo chức năng                 | 55      | 55      |        |             |        |     |
| 3   | Chia ra: - Phòng học văn hoá                | 44      | 44      |        |             |        |     |
| 4   | - Phòng học bộ môn                          | 9       | 9       |        |             |        |     |
| 5   | Tr.đó: + Phòng bộ môn Vật lý                | 1       | 1       |        |             |        |     |
| 6   | + Phòng bộ môn Hoá học                      | 1       | 1       |        |             |        |     |
| 7   | + Phòng bộ môn Sinh vật                     | 1       | 1       |        |             |        |     |
| 8   | + Phòng bộ môn Tin học                      | 3       | 3       |        |             |        |     |
| 9   | + Phòng bộ môn Ngoại ngữ                    |         |         |        |             |        |     |
| 10  | + Phòng Công nghệ                           | 1       | 1       |        |             |        |     |
| 11  | + Phòng Âm nhạc                             | 1       | 1       |        |             |        |     |
| 12  | + Phòng Mỹ thuật                            | 1       | 1       |        |             |        |     |
| 13  | - Phòng khác                                | 2       | 2       |        |             |        |     |
| 14  | B. Khối phòng phục vụ học tập               |         |         |        |             |        |     |
| 15  | Số phòng theo chức năng                     | 3       | 3       |        |             |        |     |
| 16  | Chia ra: - Thư viện                         | 1       | 1       |        |             |        |     |
| 17  | - Phòng thiết bị giáo dục                   | 1       | 1       |        |             |        |     |
| 18  | - Nhà tập đa năng                           | 1       | 1       |        |             |        |     |
| 19  | - Phòng hỗ trợ giáo dục khuyết tật hòa nhập |         |         |        |             |        |     |
| 20  | - Phòng khác                                |         |         |        |             |        |     |
| 21  | C. Khối phòng khác                          |         |         |        |             |        |     |

|    |                                   |    |    |  |  |  |  |
|----|-----------------------------------|----|----|--|--|--|--|
| 22 | Số phòng theo chức năng           | 16 | 16 |  |  |  |  |
| 23 | - Phòng y tế học đường            | 1  | 1  |  |  |  |  |
| 24 | - Khu vệ sinh dành cho giáo viên  | 3  | 3  |  |  |  |  |
| 25 | - Khu vệ sinh dành cho HS nam     | 6  | 6  |  |  |  |  |
| 26 | - Khu vệ sinh dành cho HS nữ      | 6  | 6  |  |  |  |  |
| 27 | D. Khối phòng tổ chức ăn nghỉ     |    |    |  |  |  |  |
| 28 | Số phòng theo chức năng           | 5  | 5  |  |  |  |  |
| 29 | Chia ra: - Nhà bếp                | 1  | 1  |  |  |  |  |
| 30 | - Kho trong nhà bếp               | 1  | 1  |  |  |  |  |
| 31 | - Phòng ăn                        | 1  | 1  |  |  |  |  |
| 32 | - Phòng nghỉ                      | 2  | 2  |  |  |  |  |
| 33 | - Phòng khác                      |    |    |  |  |  |  |
| 34 | E. Khối phòng hành chính quản trị |    |    |  |  |  |  |
| 35 | Số phòng theo chức năng           | 13 | 13 |  |  |  |  |
| 36 | Chia ra: - Phòng hiệu trưởng      | 1  | 1  |  |  |  |  |
| 37 | - Phòng phó hiệu trưởng           | 2  | 2  |  |  |  |  |
| 38 | - Phòng giáo viên                 | 2  | 2  |  |  |  |  |
| 39 | - Phòng họp giáo viên             | 1  | 1  |  |  |  |  |
| 40 | - Văn phòng trường                | 2  | 2  |  |  |  |  |
| 41 | - Phòng thường trực               | 1  | 1  |  |  |  |  |
| 42 | - Phòng Đoàn Đội                  | 1  | 1  |  |  |  |  |
| 43 | - Phòng truyền thống              | 1  | 1  |  |  |  |  |
| 44 | - Nhà công vụ giáo viên           |    |    |  |  |  |  |
| 45 | - Phòng kho lưu trữ               | 2  | 2  |  |  |  |  |
| 46 | - Phòng khác                      |    |    |  |  |  |  |
| 47 | F. Khối công trình công cộng      |    |    |  |  |  |  |
| 48 | Số phòng theo chức năng           | 2  | 2  |  |  |  |  |
| 49 | Chia ra: - Nhà xe giáo viên       | 1  | 1  |  |  |  |  |
| 50 | - Nhà xe học sinh                 | 1  | 1  |  |  |  |  |
| 51 | - Phòng khác                      |    |    |  |  |  |  |

## 2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

| TS<br>CB<br>GV,<br>NV | TS<br>CB<br>QL | TS<br>CB<br>GV | TS<br>nhân<br>viên | Biên<br>chế | Hợp<br>đồng | Nữ | Dân<br>tộc | Đảng<br>viên | Trình<br>độ<br>TCLL<br>chính<br>trị | GV<br>thuộc<br>diện<br>chính<br>sách | Trình<br>độ<br>Thạc<br>sĩ | Trình<br>độ đại<br>học | Cao<br>đẳng | Trung<br>cấp |
|-----------------------|----------------|----------------|--------------------|-------------|-------------|----|------------|--------------|-------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|------------------------|-------------|--------------|
| 81                    | 2              | 02             | 10                 | 69          | 00          | 63 | 2          | 19           | 23                                  | 0                                    | 5                         | 72                     | 0           | 4            |

## 3. Tổng số lớp học (khối lớp), Tổng số học sinh (khối lớp):

| Khối 6 |       | Khối 7 |       | Khối 8 |       | Khối 9 |       | Toàn trường |       |
|--------|-------|--------|-------|--------|-------|--------|-------|-------------|-------|
| Số lớp | Số HS | Số lớp | Số HS | Số lớp | Số HS | Số lớp | Số HS | Số lớp      | Số HS |

|    |     |    |     |   |     |    |     |    |      |
|----|-----|----|-----|---|-----|----|-----|----|------|
| 15 | 616 | 13 | 465 | 9 | 346 | 11 | 440 | 48 | 1867 |
|----|-----|----|-----|---|-----|----|-----|----|------|

#### 4. Kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục tại thời điểm báo cáo

Số tiêu chí đạt yêu cầu:

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

-Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 28/28 - Tỉ lệ: 100%

-Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/28 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

-Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 28/28 - Tỉ lệ: 100%

-Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/28 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

-Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 15/20 - Tỉ lệ: 75%

-Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 5/20 - Tỉ lệ: 25%

Mức 4: 0/0 đạt tỷ lệ 0 %

Nhà trường kiểm tra tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 2.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN (phụ lục đính kèm)

## III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

UBND phường tham mưu với UBND thành phố tạo điều kiện bổ sung về kinh phí để xây dựng CSVC cho nhà trường để đảm bảo duy trì tốt công tác kiểm định và trường chuẩn vào năm 2025./.

Trên đây là báo cáo cải tiến chất lượng giáo dục của trường THCS Lương Định Của năm học 2023-2024./.

Nơi nhận:

- P.GDĐT Tp.TĐ;

- Lưu: Hồ sơ tự đánh giá.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Vũ Thị Minh Hiếu**

## BÁO CÁO

# KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Báo cáo số 60/BC-THCSLĐC, ngày 30 tháng 6 năm 2024 của trường Trung học Cơ Sở Lương Định Của)

| TT          | Tiêu chuẩn, tiêu chí                        | ND Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2023 – 2024 |                                                             | Kết quả thực hiện                                                                       |                                                                                                                             |                                                | Ghi chú |
|-------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------|
|             |                                             | ND Kế hoạch cải tiến chất lượng được XD đầu năm              | ND Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục đã được điều chỉnh | Những công việc đã triển khai xong theo đúng KH (nếu rõ chất lượng, hiệu quả công việc) | Những công việc đang triển khai theo KH, hoặc chậm so với KH (lý do chậm tiến độ), đánh giá sơ bộ về những ND đã triển khai | Những công việc chưa triển khai (nếu rõ lý do) |         |
| MỨC 1, 2, 3 |                                             |                                                              |                                                             |                                                                                         |                                                                                                                             |                                                |         |
| 1           | Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường |                                                              |                                                             |                                                                                         |                                                                                                                             |                                                |         |

|   |                                                           |                                                                                                                           |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                    |  |
|---|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   | Tiêu chí 1.4                                              | Phát huy thế mạnh trong hoạt động sinh hoạt tổ chuyên môn và tổ văn phòng để nâng cao hiệu quả trong hoạt động nhà trường |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã thực hiện sắp xếp thời khóa biểu giảng dạy phù hợp đối với giáo viên ở các tổ giúp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt tổ chuyên môn</li> <li>- Tổ bộ môn tăng cường kiểm tra, dự giờ, đánh giá việc thực hiện báo cáo chuyên đề và áp dụng vào tiết dạy của giáo viên.</li> </ul> |                                                                                                                                                                    |  |
| 2 | <b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên</b> |                                                                                                                           |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                    |  |
|   | Tiêu chí 2.2                                              | Giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục                                                                         |  | 100% GV học tập bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông mới                                                                                                                                                                                                                                                                              | Còn 1 GV chưa đạt chuẩn (Cô Trần Thị Ngọc Tú), Lãnh đạo nhà trường đã trao đổi động viên nhưng GV chưa đồng ý học nâng chuẩn. Sẽ báo cáo lên cấp trên để có phương |  |

|   |                                                                  |                                                                                                                                        |  |  |                                                                                                                                                          |                                                           |  |  |  |
|---|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--|--|--|
|   |                                                                  |                                                                                                                                        |  |  |                                                                                                                                                          | án giải quyết.                                            |  |  |  |
|   | Tiêu chí 2.3                                                     | Bổ sung nhân viên thư viện                                                                                                             |  |  |                                                                                                                                                          | Đã đăng tuyển nhưng chưa tuyển được do không có ứng viên. |  |  |  |
| 3 | <b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>          |                                                                                                                                        |  |  |                                                                                                                                                          |                                                           |  |  |  |
|   | Tiêu chí 3.2                                                     | Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định                                                               |  |  | Đã thực hiện đầu tư trang bị thiết bị dạy học cho các phòng bộ môn theo chương trình giáo dục 2018                                                       |                                                           |  |  |  |
| 4 | <b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b> |                                                                                                                                        |  |  |                                                                                                                                                          |                                                           |  |  |  |
|   | Tiêu chí 4.2                                                     | Làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương và cấp ủy đảng tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện các chuyên đề hoạt động địa |  |  | Phối hợp với Đoàn phường Thạnh Mỹ Lợi, UBMT TQ, Hội phụ nữ, Hội chữ thập đỏ phường Thạnh Mỹ Lợi, Trung tâm kỹ năng sống tổ chức sinh hoạt các chuyên đề: |                                                           |  |  |  |

|   |                                                                   |                                         |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |  |  |  |
|---|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
|   |                                                                   | phương                                  |                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thượng tôn pháp luật xây dựng văn hóa giao thông an toàn</li> <li>- Trường học hạnh phúc</li> <li>- Tuyên truyền phổ biến kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm, nói không với thức ăn vỉa hè</li> <li>- Tuyên truyền Luật trẻ em</li> <li>- Tuyên truyền phổ biến pháp luật phòng chống ma túy học đường và tác hại của thuốc lá điện tử</li> <li>- Tuyên truyền an toàn giao thông, Luật giao thông đường bộ.</li> </ul> |  |  |  |  |
| 5 | Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục |                                         |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |  |  |  |
|   | Tiêu chí 5.5                                                      | Tạo điều kiện cho học sinh tham gia các | Đưa vào hoạt động thêm 1 phòng học STEM. Vận động được |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |  |  |  |

|  |  |                                           |  |                                 |  |  |  |
|--|--|-------------------------------------------|--|---------------------------------|--|--|--|
|  |  | hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ. |  | 570 học sinh tham gia học Stem. |  |  |  |
|--|--|-------------------------------------------|--|---------------------------------|--|--|--|



**Hiệu trưởng**

**Vũ Thị Minh Hiếu**